

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHÙNG ANH TIẾN

ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH
ĐẢM BẢO THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TRONG BỐI CẢNH
HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Chuyên ngành: Chính sách khoa học và công nghệ

Mã số: 60.34.70

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ

Hà Nội-2011

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	3
1. Lý do nghiên cứu	4
2. Lịch sử nghiên cứu	4
3. Mục tiêu nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Mẫu khảo sát	4
6. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu	4
7. Phương pháp nghiên cứu	5
 Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN	 5
1.1. Các khái niệm	5
1.1.1. Thông tin, thông tin KH&CN	5
1.1.2. Công nghệ, ĐMCN, DNNVV, ĐMCN trong DNNVV	6
1.2. Vai trò của thông tin KH&CN đối với hoạt động ĐMCN của DNNVV trong bối cảnh hội nhập quốc tế	6
1.2.1. Khái quát về trò của thông tin KH&CN đối với hoạt động ĐMCN của DNNVV trong bối cảnh hội nhập quốc tế	6
1.2.2. Thông tin KH&CN là nguyên liệu cho hoạt ĐMCN	6
1.2.3. Thông tin KH&CN là sản phẩm của hoạt động ĐMCN	6
1.2.4. Nội dung thông tin KH&CN phục vụ ĐMCN của DNNVV trong bối cảnh hội nhập	6
1.3. Cơ sở đảm bảo thông tin KH&CN	6
1.4. Phát triển mạng thông tin KH&CN để đảm bảo thông tin cho ĐMCN của DNNVV- Xu thế tất yếu trong hội nhập quốc tế	6
1.4.1. Đặc điểm của thông tin KH&CN hỗ trợ cho ĐMCN trong bối cảnh hội nhập quốc tế	6
1.4.2. Kinh nghiệm của các cơ quan thông tin, mạng thông tin KH&CN phục vụ doanh nghiệp ĐMCN ở một số nước	6
Kết luận chương 1	6
 Chương 2: <u>PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN ĐẢM BẢO THÔNG TIN KH&CN HỖ TRỢ DNNVV ĐMCN VÀ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG ĐẢM BẢO THÔNG TIN KH&CN HỖ TRỢ DNNVV ĐMCN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY</u>	 7

2.1. Phân tích, đánh giá chính sách liên quan đến đảm bảo thông tin KH&CN
hỗ trợ DNNVV ĐMCN ở Việt Nam hiện nay

2.1. Đặc điểm của hoạt động ĐMCN của DNNVV ở Việt Nam hiện nay	7
<i>2.1.1. Hiện trạng công nghệ và thiết bị của các DNNVV</i>	7
<i>2.1.2. Chính sách của Chính phủ, các Bộ/Ngành hỗ trợ DNNVV ĐMCN</i>	7
2.2. Thực trạng hệ thống thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN	7
2.3. Phân tích kết quả điều tra, phỏng vấn	7
<i>2.3.1. Thống kê kết quả điều tra, phỏng vấn</i>	7
<i>2.3.2. Phân tích kết quả</i>	7
<i>Kết luận chương 2</i>	7

Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO THÔNG TIN KH&CN HỖ TRỢ DNNVV ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

3.1. Định hướng Chính sách phát triển nguồn lực thông tin KH&CN	8
<i>3.1.1. Chính sách đầu tư đảm bảo nguồn lực thông tin KH&CN phục vụ DNNVV ĐMCN</i>	8
<i>3.1.2. Chính sách khuyến khích hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ để có thêm nguồn tài trợ về tài liệu</i>	8
<i>3.1.3. Chính sách khuyến khích DNNVV từng bước đóng góp thêm kinh phí để bổ sung nguồn lực thông tin công nghệ</i>	8
3.2. Định hướng chính sách phát triển nguồn nhân lực	8
<i>3.2.1. Nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng của đội ngũ xử lý thông tin có kiến thức về công nghệ, kỹ thuật</i>	8
<i>3.2.2. Đào tạo nhân lực tiếp nhận và phổ biến tin KH&CN của DNNVV</i>	8
<i>3.2.3. Đào tạo nghiệp vụ tra cứu, tìm kiếm và xử lý thông tin đối với đội ngũ nghiên cứu, ĐMCN của DNNVV</i>	8
3.3. Định hướng chính sách ưu tiên phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN phù hợp với nhu cầu ĐMCN của DNNVV	8
<i>3.3.1. Tạo các sản phẩm thông tin cung cấp định kỳ, cung cấp đột xuất theo nhu cầu loại hình DNNVV</i>	8
<i>3.3.2. Phát triển dịch vụ thông tin KH&CN phù hợp với nhu cầu ĐMCN</i>	9

của DNNVV

3.3.3. Xây dựng các cơ sở dữ liệu theo nhu cầu của DNNVV 9

3.4. Định hướng Chính sách ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tin học phục vụ DNNVV

3.4.1. Chính sách ưu tiên phát triển Mạng thông tin KH&CN dùng riêng cho DNNVV 9

3.4.2. Chính sách đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ xử lý thông tin đầu vào, lưu trữ và truyền tải dữ liệu 9

3.4.3. Chính sách hỗ trợ trang thiết bị đầu-cuối, đường truyền, cài đặt phần mềm để DNNVV tiếp nhận và khai thác thông tin 9

3.5. Tăng cường marketing 9

Kết luận chương 3 9

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 10

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
ĐMCN	Đổi mới công nghệ
KH&CN	Khoa học và công nghệ
NC&TK	Nghiên cứu và triển khai
SHTT	Sở hữu trí tuệ
TCĐLCL	Tiêu chuẩn – Đo lường - Chất lượng
Techmart	Chợ công nghệ và thiết bị

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO NGHIÊN CỨU

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới, cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) có sự phát triển nhanh chóng và đã chiếm trên 97% trong tổng số trên 500.000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Tuy nhiên, phần lớn các DNNVV chưa chuẩn bị tốt hành trang cho xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Họ thường có xuất phát điểm thấp, kinh doanh nhỏ lẻ, ít vốn, thiếu thông tin khoa học và công nghệ (KH&CN) để đổi mới công nghệ (ĐMCN), chưa có điều kiện đầu tư vào công nghệ sản xuất hiện đại. Chỉ có khoảng 8% số DNNVV đạt trình độ công nghệ tiên tiến (phần lớn là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

Việc đảm bảo thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN trong bối cảnh hội nhập quốc tế là rất cần thiết, phải được các cơ quan Nhà nước quan tâm, hỗ trợ một cách cơ bản, khoa học, tiến đến chuyên nghiệp. DNNVV cần được cung cấp thông tin KH&CN phù hợp với nhu cầu thực tiễn để họ có thể ĐMCN, tận dụng tốt các lợi thế mà hội nhập quốc tế mang lại cũng như chủ động đối mặt với các thách thức.

Trước đòi hỏi cấp bách và nhu cầu thực tiễn của cộng đồng DNNVV về việc đảm bảo thông tin KH&CN phục vụ hoạt động ĐMCN, tác giả mạnh dạn đề xuất đề tài nghiên cứu *“ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ”* làm Luận văn tốt nghiệp.

2. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

Tác giả cũng nhận thấy, chưa có đề tài nào đi sâu nghiên cứu có tính luận cứ khoa học và làm rõ công tác thông tin KH&CN hỗ trợ cho DNNVV ĐMCN trong bối cảnh hội nhập.

3. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Đề xuất định hướng chính sách đảm bảo thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1/ Đối tượng: Công tác thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN

2/ Phạm vi nghiên cứu: Chỉ giới hạn đối tượng DNNVV.

5. MẪU KHẢO SÁT

Điều tra thực tiễn, lấy ý kiến tại Viện Khoa học Quản trị DNNVV, Hiệp hội DNNVV Việt Nam, Cục Thông tin KH&CN Quốc gia và tại một số DNNVV ở thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

6. CÂU HỎI VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

Câu hỏi nghiên cứu:

▪ Thực trạng hoạt động đảm bảo thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN ở nước ta hiện nay ra sao?

▪ Đề xuất định hướng chính sách gì để đảm bảo thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN có hiệu quả trong hội nhập quốc tế hiện nay?

Giả thuyết nghiên cứu:

- Hệ thống đảm bảo thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN ở nước ta hiện nay

chưa đáp ứng được yêu cầu của DNNVV trong bối cảnh hội nhập.

- Đề xuất định hướng chính sách: Nhà nước cần ban hành nhóm chính sách sau:

(1) Chính sách ưu tiên phát triển nguồn lực thông tin KH&CN.

(2) Chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực thông tin KH&CN có trình độ.

(3) Chính sách ưu tiên phát triển các sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN phù hợp với nhu cầu của DNNVV.

(4) Chính sách ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tin học phục vụ DNNVV.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu tài liệu và phương pháp chuyên gia.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Các khái niệm

1.1.1. Thông tin, thông tin KH&CN

a. Khái niệm thông tin

Trong Bách khoa toàn thư của Liên Xô xuất bản lần thứ 3, tập 10 viết “Thông tin là tin tức được truyền đi bởi con người bằng lời nói, chữ viết hoặc các phương tiện khác”.

Theo quan điểm của tôi, trong phạm vi lĩnh vực thông tin – thư viện: *thông tin là những dữ liệu đã được xử lý, tổ chức và lưu giữ trên những vật mang tin khác nhau theo mục đích của người sử dụng. Nói cách khác, thông tin là kết quả của sự phân tích, tổng hợp và đánh giá dựa trên những dữ liệu sẵn có để phục vụ nhu cầu của người dùng tin.*

b. Khái niệm thông tin KH&CN

Khoản 1, Điều 2 Nghị định 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 quy định về hoạt động thông tin KH&CN, theo đó: “Thông tin KH&CN là các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tri thức KH&CN (bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn) được tạo lập, quản lý và sử dụng nhằm mục đích cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước hoặc đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân trong xã hội”.

1.1.2. Các khái niệm công nghệ, ĐMCN, DNNVV

a. Khái niệm công nghệ

Theo Ủy ban Kinh tế và Xã hội của khu vực Châu Á Thái Bình Dương (ESCAP), công nghệ là “Hệ thống kiến thức về quy trình và kỹ thuật dùng để chế biến vật liệu và thông tin. Nó bao gồm kiến thức, kỹ năng, thiết bị, phương pháp và các hệ thống dùng trong việc tạo ra hàng hóa và cung cấp dịch vụ”.

Luật KH&CN Việt Nam (2000) định nghĩa: “Công nghệ là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ, phương tiện dùng để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm”.

b. Khái niệm ĐMCN

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD): “Hoạt động ĐMCN gồm các khâu liên quan đến khoa học, công nghệ, tổ chức, tài chính và thương mại, kể cả đầu tư vào tri thức mới, đã hoặc nhằm đem lại các sản phẩm và quy trình mới/hoàn thiện hơn về mặt công nghệ. Nghiên cứu và triển khai chỉ là một trong các hoạt động này và có thể được thực hiện ở các giai

đoạn khác nhau của quá trình đổi mới".

c. Khái niệm DNNVV

Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVV định nghĩa như sau: DNNVV là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên).

1.2. Vai trò của thông tin KH&CN đối với hoạt động ĐMCN của DNNVV trong bối cảnh hội nhập quốc tế

1.2.1. Khái quát về vai trò của thông tin KH&CN đối với hoạt động ĐMCN của DNNVV trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Muốn ĐMCN, doanh nghiệp lại cần tìm kiếm những thông tin liên quan. Thông tin KH&CN hỗ trợ đắc lực cho doanh nghiệp trong việc tìm kiếm nguồn công nghệ tin cậy, nhanh, chính xác, phù hợp giúp các doanh nghiệp có cơ hội cập nhật, lựa chọn và xác lập phương án ĐMCN tốt nhất.

1.2.2. Thông tin KH&CN là nguyên liệu cho hoạt động ĐMCN

Thông tin KH&CN là đầu vào và là điều kiện tất yếu để ĐMCN hoạt động, là sự đảm bảo cơ bản, quyết định cho mục tiêu ĐMCN. Có 4 yếu tố cơ bản của đầu vào ĐMCN: Nhân lực; Tài lực; Vật lực; Tin lực.

1.2.3. Thông tin KH&CN là sản phẩm của hoạt động ĐMCN

Thông tin KH&CN cũng là yếu tố đầu ra của hoạt động ĐMCN, thông qua những thành quả KH&CN. Hình thái biểu hiện của thành quả đó gồm hai loại: "tri thức" và "hiện vật".

1.2.4. Nội dung thông tin KH&CN phục vụ hoạt động ĐMCN của DNNVV trong bối cảnh hội nhập

Nội dung thông tin KH&CN phục vụ hoạt động ĐMCN của DNNVV trong bối cảnh hội nhập rất đa dạng, từ thông tin về công nghệ và thiết bị, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, thông tin về cơ chế chính sách...

1.3. Cơ sở đảm bảo thông tin KH&CN phục vụ DNNVV ĐMCN

Thông tin KH&CN có vai trò quan trọng đối với hoạt động ĐMCN, để hoạt động ĐMCN có hiệu quả, phải có hệ thống đảm bảo thông tin KH&CN, đó là ngân hàng dữ liệu, hệ thống tra cứu tìm tin, hệ thống dịch vụ thông tin KH&CN, cơ sở vật chất kỹ thuật và nhân lực thông tin KH&CN.

1.4. Phát triển mạng thông tin KH&CN để đảm bảo thông tin cho ĐMCN của DNNVV - Xu thế tất yếu trong hội nhập quốc tế

1.4.1. Đặc điểm của thông tin KH&CN hỗ trợ cho ĐMCN trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Kết hợp ngày càng chặt chẽ giữa thông tin KH&CN với thông tin kinh tế, thông tin thị trường. Sự hội nhập quốc tế, cạnh tranh quốc tế làm cho thông tin trở thành tài sản chung của nhân loại.

1.4.2. Kinh nghiệm của các cơ quan thông tin, mạng thông tin KH&CN phục vụ doanh nghiệp ĐMCN ở một số nước

Đề tài đã giới thiệu khái quát một số mạng này như: Công giao dịch công nghệ toàn cầu Nam – Nam; Trung tâm thông tin DNNVV ảo Hồng Kông...

Kết luận Chương 1

Trong chương này, tác giả đã đề cập các khái niệm Thông tin, thông tin KH&CN, Công nghệ, ĐMCN, DNNVV, ĐMCN trong DNNVV. Đồng thời tác giả cũng đã nêu ra nội dung thông tin KH&CN phục vụ hoạt động ĐMCN, đặc biệt là đã nêu bật được vai trò của thông tin KH&CN đối với hoạt động ĐMCN của DNNVV trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cũng như kinh nghiệm đảm bảo thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN của một số mạng thông tin KH&CN.

Chương 2

PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN ĐẢM BẢO THÔNG TIN KH&CN HỖ TRỢ DNNVV ĐMCN VÀ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG ĐẢM BẢO THÔNG TIN KH&CN HỖ TRỢ DNNVV ĐMCN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

2.1. Phân tích, đánh giá chính sách liên quan đến đảm bảo thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, chính sách liên quan đến đảm bảo thông tin KH&CN phục vụ DNNVV ĐMCN, mặc dù có một số tác động tích cực (tác động dương tính), nhưng nhìn chung vẫn bộc lộ nhiều vấn đề cần giải quyết, nó khiến cho những ưu đãi vẫn chưa đến được nhóm được hưởng lợi là DNNVV ĐMCN. Tác giả đã phân tích và đánh giá một số văn bản chính sách liên quan đến vấn đề này.

2.1. Đặc điểm của hoạt động ĐMCN của DNNVV ở Việt Nam hiện nay

2.1.1. Hiện trạng công nghệ và thiết bị của các DNNVV tại Việt Nam

Chỉ có khoảng 8% số DNNVV đạt trình độ công nghệ tiên tiến (phần lớn là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), hầu hết đang sử dụng công nghệ và thiết bị cũ, lạc hậu.

2.1.2. Chính sách của Chính phủ và các Bộ/Ngành hỗ trợ DNNVV ĐMCN

Chính phủ và các Bộ/ngành đã có nhiều chính sách hỗ trợ và các chương trình ưu đãi để giúp DNNVV ĐMCN, như Nghị định 56/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVN là việc thành lập Quỹ phát triển DNNVV, Chương trình ĐMCN Quốc gia đến năm 2020 và thành lập Quỹ ĐMCN Quốc gia.

2.2. Thực trạng hệ thống thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN

Tác giả sử dụng phương pháp phân tích SWOT (Strengths - điểm mạnh, Weaknesses - điểm yếu, Opportunities – cơ hội, Threats – thách thức) để làm rõ hiện trạng, nội lực của hệ thống thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN ở Việt Nam dựa trên các nguồn lực: tài lực, vật lực, nhân lực và tin lực.

2.3. Phân tích kết quả điều tra, phỏng vấn

2.3.1. Thống kê kết quả điều tra, phỏng vấn

Tác giả đã tiến hành điều tra, khảo sát về nhu cầu thông tin phục vụ ĐMCN của DNNVV. Đã có 170 phiếu điều tra được gửi tới các DNNVV. Với số lượng 108 phiếu thu được, có thể thấy

75,4% doanh nghiệp có nhu cầu thông tin hỗ trợ doanh nghiệp ĐMCN.

2.3.2. Phân tích kết quả

Để hiểu rõ hơn những nhu cầu thông tin của DNNVV, đề tài đi sâu phân tích các nhóm nhu cầu thông tin quan trọng mà DNNVV quan tâm.

Kết luận Chương 2

Trong phần này, tác giả đã tập trung phân tích, đánh giá chính sách liên quan đến đảm bảo thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời, tác giả cũng đã phân tích, làm rõ hiện trạng của hoạt động thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN. Tác giả đã tiến hành điều tra, khảo sát về nhu cầu thông tin phục vụ ĐMCN của DNNVV, trên cơ sở đó đưa ra những đề xuất về chính sách hỗ trợ thông tin cho DNNVV ĐMCN hiệu quả nhất, giúp họ nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO THÔNG TIN KH&CN HỖ TRỢ DNNVV ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

3.1. Định hướng Chính sách phát triển nguồn lực thông tin KH&CN

3.1.1. Chính sách đầu tư đảm bảo nguồn lực thông tin KH&CN phục vụ DNNVV ĐMCN

Nhà nước cần có chính sách đảm bảo cho việc tạo lập, phát triển tiềm lực thông tin đạt ngưỡng tương ứng với mức độ, phạm vi của mỗi tổ chức có liên quan tới công tác hỗ trợ DNNVV ĐMCN.

3.1.2. Chính sách khuyến khích hợp tác trong nước và với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ để có thêm nguồn tài trợ về tài liệu

Bên cạnh việc duy trì kinh phí hợp tác quốc tế với các đối truyền thống, Nhà nước cần bổ sung ngân sách và khuyến khích các cơ quan thông tin KH&CN trong nước tìm kiếm các đối tác mới ở nước ngoài có nguồn tài liệu phục vụ cho hoạt động ĐMCN của doanh nghiệp trong nước. Cần phân cấp phân ngành trong việc thu thập bổ sung tài liệu, sau đó phải có sự liên kết chặt chẽ trong việc xây dựng các CSDL chỉ dẫn để hướng dẫn cụ thể cho người dùng tin với những thông tin cụ thể và chính xác. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế, chính sách hợp tác giữa các cơ quan thông tin KH&CN với các đơn vị NC&TK cần phải được tăng cường.

3.1.3. Chính sách khuyến khích DNNVV từng bước đóng góp thêm kinh phí để bổ sung nguồn lực thông tin công nghệ mới

Nhà nước cũng cần có chính sách cụ thể hơn nhằm khuyến khích DNNVV từng bước đóng góp thêm kinh phí để bổ sung nguồn lực thông tin công nghệ, thiết bị mới, chẳng hạn thông qua Quỹ ĐMCN Quốc gia.

3.2. Định hướng chính sách phát triển nguồn nhân lực

3.2.1. Nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng của đội ngũ xử lý thông tin có kiến

thức về công nghệ, kỹ thuật

Nhà nước cần đảm bảo kinh phí hàng năm hỗ trợ việc đào tạo cán bộ thông tin cho toàn mạng lưới các cơ quan thông tin bộ/ngành phục vụ DNNVV ĐMCN thông qua hình thức hỗ trợ đầy đủ hoặc một phần.

3.2.2. Đào tạo nhân lực tiếp nhận và phổ biến thông tin KH&CN

Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tiếp nhận và phổ biến thông tin KH&CN trong các DNNVV hiện nay. Cần xây dựng các chương trình hợp tác, lồng ghép các chương trình, kế hoạch đào tạo của các đơn vị có liên quan này nhằm làm cho công tác đào tạo các kỹ năng cho các DNNVV trở nên có hệ thống và bài bản hơn.

3.2.3. Đào tạo nghiệp vụ tra cứu, tìm kiếm và xử lý thông tin đối với đội ngũ nghiên cứu, ĐMCN của DNNVV

Như vậy, các cơ quan thông tin KH&CN cần chủ động đề xuất xây dựng chính sách đào tạo nghiệp vụ tra cứu, tìm kiếm và xử lý thông tin đối với đội ngũ nghiên cứu, ĐMCN của DNNVV.

3.3. Định hướng chính sách ưu tiên phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN phù hợp với nhu cầu ĐMCN của DNNVV

Cần có cơ chế chính sách khuyến khích các cơ quan thông tin KH&CN ưu tiên phát triển các sản phẩm và dịch vụ thông tin có hàm lượng tư vấn cao phù hợp với nhu cầu của DNNVV.

3.3.2. Phát triển dịch vụ thông tin KH&CN phù hợp với nhu cầu ĐMCN của DNNVV

Các dịch vụ thông tin này có thể bao gồm: Thông tin hỏi-đáp; Dịch vụ thông tin trọn gói; Dịch vụ bao gói thông tin theo yêu cầu; Dịch vụ xúc tiến giao dịch mua bán công nghệ, thiết bị và đầu tư phát triển công nghệ. Nhà nước cũng cần có chính sách khuyến khích người dùng tin là DNNVV ĐMCN, như miễn/giảm thuế đối với các dịch vụ thông tin KH&CN, miễn/giảm cước phí bưu điện và truyền thông đối với các dịch vụ thông tin KH&CN.

3.3.3. Xây dựng các cơ sở dữ liệu theo nhu cầu của DNNVV

Để xây dựng được các CSDL phục vụ nhu cầu ĐMCN của DNNVV, một mặt các cơ quan thông tin công nghệ cần rà soát các CSDL sẵn có có liên quan, mặt khác đề xuất cơ chế, chính sách hợp tác xây dựng hoặc tự xây dựng những CSDL mới. Cần đảm bảo những CSDL hạt nhân, nòng cốt (đối với cả nguồn tin trong nước và nước ngoài).

3.4. Định hướng Chính sách ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tin học phục vụ DNNVV

3.4.1. Chính sách ưu tiên phát triển Mạng thông tin KH&CN dùng riêng cho DNNVV

Mạng này, vai trò như “bộ phận một cửa”, phải gồm đầy đủ các loại thông tin để giúp doanh nghiệp tìm kiếm thông tin cần thiết được nhanh chóng và hiệu quả.

3.4.2. Chính sách đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ xử lý thông tin đầu vào, lưu trữ và truyền tải dữ liệu

Để có được các sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN đáp ứng được nhu cầu ĐMCN của DNNVV, thì cần phải có chính sách đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại, tạo lập, duy trì và phát triển hạ tầng mạng, hỗ trợ phí đường truyền Internet (toàn bộ hay một phần, tùy theo điều kiện cụ thể của tổ chức thông tin).

3.4.3. Chính sách hỗ trợ trang thiết bị đầu-cuối, đường truyền, cài đặt phần mềm để DNNVV tiếp nhận và khai thác thông tin

Nhà nước đảm bảo hỗ trợ doanh nghiệp, như thông qua Quỹ ĐMCN Quốc gia hoặc có chính sách miễn giảm thuế đối với DNNVV để khuyến khích họ đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho việc tiếp nhận và khai thác thông tin nhằm ĐMCN.

3.5. Tăng cường marketing

Tổ chức thông tin KH&CN phải làm tốt khâu marketing sản phẩm, dịch vụ của mình. Họ cần đặc biệt quan tâm tăng cường cán bộ có kiến thức về kinh tế và marketing, giúp họ nắm bắt thị trường và có cơ sở để điều chỉnh hoạt động, nhằm tạo ra các sản phẩm và dịch vụ phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở phân tích, đánh giá chính sách hiện hành liên quan đến đảm bảo thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN ở Việt Nam hiện nay và phân tích thực trạng hệ thống thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN, tác giả đã đưa ra những định hướng chính sách lớn đảm bảo thông tin KH&CN hỗ trợ DNNVV ĐMCN.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Đề tài rút ra một số kết luận như sau:

❖ Một trong những nguyên nhân dẫn đến những yếu kém về năng lực cạnh tranh của các DNNVV của nước ta hiện nay là sử dụng công nghệ lạc hậu, kém hiệu quả, chậm ĐMCN, thiếu thông tin KH&CN, kỹ năng quản lý doanh nghiệp hiện đại.

❖ Vấn đề thông tin KH&CN phục vụ DNNVV ĐMCN là vấn đề rất khó, nó vừa là vấn đề bức xúc hiện nay, vừa là vấn đề chiến lược, lâu dài.

❖ Thông tin mà các doanh nghiệp cần là những thông tin có hàm lượng tư vấn, những thông tin mang tính tổng hợp cao, thông tin phân tích và có giá trị gia tăng.

❖ Để có thể nâng cao hiệu quả phục vụ thông tin KH&CN cho DNNVV thì phải là hiệu quả tổng hợp từ hai phía: từ nỗ lực của bản thân mỗi doanh nghiệp; từ phía phục vụ thông tin cho doanh nghiệp.

❖ Mọi hoạt động ĐMCN, đổi mới sáng tạo phải lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

Luận văn đã đưa ra được những định hướng lớn nhằm đảm bảo thông tin KH&CN phục vụ cho ĐMCN của DNNVV trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, đề xuất những chính sách, giải pháp cụ thể để thực hiện các định hướng đó.

Đối với các cơ quan thông tin KH&CN, Nhà nước cần có chính sách khuyến khích: (1) Đầu tư các nguồn lực thông tin KH&CN; (2) Chính sách phát triển nguồn nhân lực; (3) Chính sách ưu tiên phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin KH&CN phù hợp với nhu cầu của DNNVV; (4) Chính sách ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tin học phục vụ DNNVV.

Công trình được hoàn thành tại:

Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ